TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày: 02/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải; ông Võ Sỹ Huyền
- Thư ký phiên toà: Ông Lê thế Hồng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14giờ 30 phút, ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST- HS, ngày 11/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo: Họ và tên: **Dương Văn T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 22/12/1974; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có vợ: Trần Thị M; con: 03 đứa (đầu sinh năm 1995, út sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/8/2008 bị Công an huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bằng hình thức phạt tiền 200.000 đồng. Ngày 18/8/2008, đã chấp hành nạp phạt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*
- Ông Lê Thanh C - sinh năm 1973;
Trú tại: Xóm 1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.
- Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1981;
Trú tại: Xóm 1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 07/4/2019, Dương Văn T, sinh năm 1974 trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 38H4-65B

từ chổ ở của mình đi đến nhà anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1968, trú tại xã S1, H. Khi đi đến đoạn đường liên xã S – S1, T đi vào cửa hàng tạp hóa "C" của gia đình chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1981, trú tại thôn 1 xã S, H để mua thẻ cào điện thoại. Tại đây, T gặp anh Lê Thanh C, sinh năm 1973 là chồng chị T1 và mua 01 chiếc thẻ cào điện thoại có mệnh giá 10.000 đồng, T trả tiền cho anh C và nhập mã số thẻ vào điện thoại của mình để nạp tiền. T nghĩ mình đã nạp được tiền vào điện thoại nên vứt thẻ cào đó tại khu vực cửa hàng của chị T1. Sau đó T đi được một đoạn đường và cầm điện thoại để gọi thì không gọi được. T quay lại quán tạp hóa C để tìm lại chiếc thẻ cào đã vứt trước đó để nộp lại. Khi quay lại, T đã tìm lại được chiếc thẻ cào đó. Lúc này, T quan sát thấy có 01 chiếc rương tôn, cửa rương không khóa để trên tủ lạnh trong cửa hàng. T nghĩ trong chiếc rương này có tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng cửa hàng không có ai trông coi, T đã đi lại và mở chiếc rương ra thấy trong đó có 01 chiếc ví da, mở ví ra T thấy có 01 xấp tiền để trong cùng một ngăn. Thọ lấy xấp tiền này rồi cất dấu vào túi quần bên trái và đi ra khỏi cửa hàng điều khiển xe mô tô đi được một đoạn đường thì gặp lại anh C. T không quen nạp thẻ cào nên nhờ anh Chiến nộp thẻ cào mà trước đó Thọ đã nộp nhưng chưa nộp được. Sau đó, T đi đến nhà anh Nguyễn Thành Đ và trả nợ số tiền 1.150.000 đồng (T khai nhận số tiền này là của T có từ trước mang đi để trả nợ cho anh Đ). Trả nợ xong, T đi về nhà và kiểm đếm số tiền vừa trộm cắp được. Theo T khai nhận là 2.900.000 đồng, rồi T cất dấu số tiền này trong nhà tắm để tiêu xài cá nhân. Riêng chị T1, phát hiện thấy gia đình mình mất tiền đã báo cáo và cung cấp dữ liệu hình ảnh thông qua camera giám sát của gia đình cho cơ quan chức năng trong đó có hình ảnh Dương Văn T trú tại thôn T, xã L, huyện Đ. Đến ngày 08/4/2019, biết được hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên T đã ra đầu thú và khai nhận là đã trộm tiền tại cửa hàng chị T và giao nộp số tiền 2.900.000 đồng cho cơ quan điều tra.

Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra chị Trần Thị Thanh T1 trình bày số tiền chị T1 bị mất trộm là 6.000.000 đồng, đồng thời nêu rõ nguồn gốc của số tiền mà chị T1 đã bị mất trộm này. Còn Dương Văn T khai nhận chỉ lấy trộm được của chị T1 số tiền 2.900.000 đồng như đã nêu trên.

** Vật chứng vụ án*:

- Số tiền 2.900.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 38H4-65B, trong cốp xe không có tài sản gì, xe đã qua sử dụng thu giữ của Dương Văn T đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

- 01 USB lưu giữ video do chị Trần Thị Thanh T1 giao nộp, đã được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

** Về trách nhiệm dân sự:* Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Thanh C yêu cầu Dương Văn T phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Sau khi phạm tội Bị cáo Dương Văn T đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.900.000 đồng và ngày 11/6/2019 bị cáo nộp tiếp số tiền 3.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Giữa bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại là 6.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS-HS, ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Dương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo

khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh và điều luật:* Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T mức án từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- *Trách nhiệm dân sự*: Căn cứ khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường thiệt hại của Bị cáo và các bị hại.

- *Vật chứng vụ án:* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Thanh C số tiền 2.900.000 đồng cuả chị T1 anh C mà bị cáo tự nguyện mang nộp cho cơ quan điều tra. Trả lại cho bị cáo Dương Văn T 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 38H4-65B của bị cáo Dương văn T. Tịch thu lưu giữ kèm theo theo hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ video do chị Trần Thị Thanh T1 giao nộp đã được niêm phong chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Ngoài ra bị cáo phải nộp án phí hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Dương Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, các bị hại xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, các bị hại không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo về tại hồ sơ về thời gian không gian và địa điểm phạm tội, còn số tài sản chiếm đoạt tại phiên tòa bị cáo thừa nhận quá trình lấy trộm tài sản bị cáo mang đi trên đường có thể bị rơi, bị cáo chấp nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng. Như vậy lời khai bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định vào sáng ngày 07/4/2019 Dương Văn T đã vào của hàng tạp hóa của chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Thanh C lén lút lấy số tiền 6.000.000 đồng của chị T và anh C đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người đúng tội không có gì oan sai.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo hành động táo bạo, liều lĩnh, thời gian phạm tội vào ban ngày, địa điểm là nơi đông đúc người qua lại nhưng bị cáo không hề sợ hãi, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Hành vi đó làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và gây hoang mang lo lắng cho mọi người. Vì vậy Hội đồng xét xử phải xét xử bị cáo mức án đủ nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, đầu thú, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cần căn cứ các điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

[5] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rỏ ràng, không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hại cho xã hội. Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo nghiêm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa giữa bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận thống nhất mức bồi thường thiệt hại là 6.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp đủ số tiền 6.000.000 đồng (lần một: 2.900.000 đồng nộp cho cơ quan điều tra và đã chyển cho chi cục Thi hành án dân sự huyện H; lần hai: 3.100.000 đồng nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H vào ngày 11/6/2019). Như vậy số tiền bồi thường thiệt hại bị cáo đã nộp đủ. Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bên.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự để trả lại cho chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Thanh C số tiền 2.900.000 đồng của chị T1 anh C mà bị cáo tự nguyện mang nộp cho cơ quan điều tra. Trả lại cho bị cáo Dương Văn T 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 38H4-6529 của bị cáo Dương Văn T. Tịch thu kèm theo hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ video do chị Trần Thị Thanh T1 giao nộp đã được niêm phong chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã L trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Dương Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và các bị hại. Bị cáo Dương Văn T phải bồi thường thiệt hại cho Chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Thanh C số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp đủ số tiền 6.000.000 đồng (lần một: 2.900.000 đồng là vật chứng vụ án Dương Văn T nộp cho cơ quan điều tra và đã chyển cho chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo giấy ủy nhiệm chi số 02, ngày 3/6/2019; lần hai: 3.100.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu tiền số 0003909, ngày 11/6/2019). Như vậy số tiền bồi thường thiệt hại bị cáo đã nộp đủ.

4. Vật chứng vụ án:

- Trả lại cho Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Thanh C số tiền 2.900.000 đồng của chị T anh C mà bị cáo tự nguyện mang nộp cho cơ quan điều tra như đã nêu ở phần dân sự nói trên. Trả lại cho bị cáo Dương Văn T 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 38H4-65B của bị cáo Dương Văn T.

- Tịch thu lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ video do chị Trần Thị Thanh T giao nộp đã được niêm phong chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện H;
- Cơ quan THHS Công an H;
- Công an tỉnh (phòng PV 06)
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Người bị hại
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Cường